

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm thiết bị hỗ trợ công tác quản lý điều hành, quản lý dự án và phục vụ công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực ĐTXD.

- Dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị hỗ trợ công tác quản lý điều hành, quản lý dự án và phục vụ công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực ĐTXD.

- Địa điểm thực hiện dự toán mua sắm: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Điện lực Chợ Lớn – Số 1A Thuận Kiêu, Phường Chợ Lớn – TP.HCM.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 10 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Quy mô dự toán mua sắm:

STT	Khối lượng VTTB thuộc gói thầu	ĐVT	Số lượng
1	Máy tính bảng cầm tay	Cái	01
2	Điện thoại	Cái	08
3	Máy chiếu laser	Cái	02
4	Màn chiếu	Cái	01

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT. Do đó, nếu thông số kỹ thuật được xác định đầy đủ, rõ ràng thì sẽ giúp nhà thầu chuẩn bị tốt E-HSDT và có tính đáp ứng cao, đồng thời giúp tổ chuyên gia nghiên cứu, đánh giá và so sánh các E-HSDT.

- Thông số kỹ thuật yêu cầu tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng.

- Thông số kỹ thuật phải đủ khái quát để tránh gây hạn chế liên quan đến các yêu cầu tay nghề và vật tư thiết bị thường được sử dụng để sản xuất các hàng hóa thuộc loại tương tự.

- Thông số kỹ thuật phải mô tả đầy đủ các yêu cầu liên quan và không giới hạn ở những điểm sau đây:

+ Các tiêu chuẩn về vật liệu, vật tư và tay nghề cần thiết để sản xuất chế tạo hàng hóa;

+ Các yêu cầu chi tiết về thử nghiệm (loại hình và số lần thử);

+ Các công việc bổ sung khác và/hoặc các dịch vụ liên quan cần thiết để giao hàng/hoàn thành đầy đủ;

+ Các hoạt động cụ thể mà Nhà thầu sẽ phải thực hiện và sự tham gia của Chủ đầu tư;

+ Danh sách các yêu cầu bảo đảm chức năng vận hành cụ thể thuộc phạm vi bảo hành và quy định bồi thường thiệt hại nếu các yêu cầu bảo đảm nói trên không được thực hiện.

- Thông số kỹ thuật phải nêu rõ tất cả các đặc tính và yêu cầu về công năng và kỹ thuật, bao gồm các giá trị tối đa và tối thiểu được bảo đảm hoặc được chấp nhận, tùy theo trường hợp. Nếu cần, Chủ đầu tư phải cung cấp thêm một biểu mẫu đặc biệt để Nhà thầu cung cấp các thông tin chi tiết về các đặc tính công năng và kỹ thuật của hàng hóa so với các giá trị được bảo đảm hoặc được chấp nhận.

- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại các mẫu số 01A, 01B, 01C và 01D Chương IV. Nếu Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp trong E-HSDT của mình một phần hoặc toàn bộ các thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác thì Chủ đầu tư phải quy định rõ tính chất và mức độ thông tin yêu cầu và cách trình bày các thông tin đó trong E-HSDT.

[Nếu yêu cầu cung cấp bản tóm tắt thông số kỹ thuật thì Chủ đầu tư phải ghi thông tin vào bảng dưới đây. Nhà thầu sẽ soạn một bảng tương tự để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu đó].

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
[ghi số hiệu hạng mục]	[ghi tên]	[ghi thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn]

Thông số kỹ thuật chi tiết và các tiêu chuẩn chi tiết (khi cần thiết).

[Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật]

1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung:

a. Yêu cầu cung cấp tài liệu kỹ thuật trong E-HSDT:

- Bảng tóm tắt các thông số đặc tính kỹ thuật theo mẫu quy định trong E-HSMT (để xem xét và đánh giá các tiêu chí Bảng tóm tắt các thông số kỹ thuật và thông tin về hàng hoá chào thầu và tiêu chí đánh giá Thông số kỹ thuật của E-HSMT).

- Catalog của Nhà sản xuất đúng với hàng hóa chào thầu. Trong đó, thông số đặc tính kỹ thuật (thể hiện trong catalog) phải phù hợp với các thông số đặc tính kỹ thuật trình bày trong bảng tóm tắt các thông số đặc tính kỹ thuật (để xem xét và đánh giá các thông số trên Catalog và tiêu chí đánh giá Thông số kỹ thuật của E-HSMT).

- Văn bản cam kết bảo hành: Nhà thầu phải cung cấp văn bản cam kết bảo hành với yêu cầu thời hạn bảo hành theo nhà sản xuất kể từ ngày phát hành biên bản nghiệm thu hàng hóa. Trong thời gian bảo hành, nếu có hư hỏng thì nhà thầu có trách nhiệm khắc phục trong vòng 07 ngày kể từ ngày bên mua yêu cầu. Cụ thể như sau:

+ Máy tính bảng cầm tay thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng.

+ Điện thoại thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng.

+ Máy chiếu laser thời gian bảo hành: ≥ 36 tháng.

+ Màn chiếu thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng.

- Văn bản cam kết về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm cung cấp.

- Văn bản cam kết sẽ cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa lúc giao hàng (nếu trúng thầu), do tổ chức thuộc quốc gia hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu hàng hóa cấp dựa trên những quy định và yêu cầu liên quan về xuất xứ, chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa đó (Nếu hàng hóa có nguồn gốc từ nước ngoài).

+ Máy tính bảng cầm tay, điện thoại cung cấp chứng nhận hợp quy.

+ Máy chiếu laser cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ).

+ Màn chiếu cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ).

- Nhà thầu thực hiện đính kèm: Bảng chào giá dự thầu của hàng hóa được tách theo đơn giá trước thuế, thuế giá trị gia tăng và được người đại diện ký xác nhận, đóng dấu (tổng giá thành tiền của bảng chào đính kèm không thay đổi so với bảng chào của webform).

b. Yêu cầu đối chiếu tài liệu khi thương thảo hợp đồng:

- Các hồ sơ, tài liệu nhà thầu khi tham dự thầu phải được cung cấp theo đúng với yêu cầu nêu trong E-HSDT.

- Đối chiếu tài liệu được thực hiện theo mục 30 tại phần 1. Thủ tục đấu thầu, chương I. Chỉ dẫn nhà thầu.

- Trường hợp phát hiện có sự gian lận trong việc cung cấp hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu thì nhà thầu sẽ phải bị xử lý cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà

thầu theo quy định tại Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

c. Yêu cầu về tài liệu đi kèm theo khi giao hàng:

Khi giao hàng, Nhà cung cấp phải đính kèm các tài liệu kỹ thuật sau cho tất cả các sản phẩm khi giao hàng:

- Catalog của nhà sản xuất.
- Giấy chứng nhận hợp quy.
- Bản gốc (hoặc bản sao có chứng thực) Chứng chỉ xuất xứ hàng hoá (CO) đối với hàng hoá nhập khẩu.
- Bản gốc (hoặc bản sao có chứng thực) Chứng chỉ chất lượng hàng hoá (CQ).

1.2.2. Quy cách kỹ thuật của hàng hóa:

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
<i>[ghi số hiệu hạng mục]</i>	<i>[ghi tên]</i>	<i>[ghi thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn]</i>
1	Máy tính bảng cầm tay	Theo quy cách kỹ thuật đính kèm
2	Điện thoại	Theo quy cách kỹ thuật đính kèm
3	Máy chiếu laser	Theo quy cách kỹ thuật đính kèm
4	Màn chiếu	Theo quy cách kỹ thuật đính kèm

Bảng quy cách kỹ thuật:

a. Bảng mô tả quy các kỹ thuật máy tính bảng

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU
1	Hạng mục	Máy tính bảng cao cấp hiệu năng cao
2	Nhà sản xuất	Nhà thầu phát biểu
3	Nước sản xuất	Nhà thầu phát biểu
4	Mã hiệu	Nhà thầu phát biểu
5	Năm sản xuất	Sản xuất năm gần nhất
6	Kích thước	Khoảng 10.8–11.2 inch
7	Công nghệ màn hình	Công nghệ OLED/Ultra Retina XDR hoặc tương đương
8	Độ phân giải	Tối thiểu 2400 × 1600 pixel, ≥ 260 ppi
9	Độ sáng màn hình	SDR ≥ 1000 nits; hỗ trợ HDR/XDR ≥ 1600 nits
10	Tần số quét	Tối thiểu 120Hz, hỗ trợ dải thích ứng 10–120Hz hoặc tương đương
11	Camera sau	Độ phân giải ≥ 12 MP, hỗ trợ quay 4K
12	Camera trước	Độ phân giải ≥ 12 MP, hỗ trợ nhận diện khuôn mặt nâng cao
13	Vi xử lý (CPU/GPU/NPU)	Chip xử lý đa lõi hiệu năng cao (≥ 9 lõi CPU, ≥ 10 lõi GPU), tích hợp AI/Neural Engine
14	RAM	≥ 8 GB
15	Bộ nhớ trong	≥ 256 GB
16	Hệ điều hành	Hệ điều hành dành cho máy tính bảng, có kho ứng dụng chính thức, cập nhật bảo mật ≥ 5 năm
17	Kích thước	Độ dày ≤ 6 mm
18	Trọng lượng	≤ 500 gram
19	Khả năng tương thích	Hỗ trợ bút cảm ứng độ trễ thấp (≤ 10 ms) và bàn phím rời
20	Công nghệ bảo mật	Nhận diện khuôn mặt 3D hoặc tương đương
21	Cảm biến	Gia tốc, con quay hồi chuyển, tiệm cận, ánh sáng, áp kế, cảm biến chiều sâu 3D (LiDAR, ToF hoặc công nghệ tương đương do nhà sản xuất công bố)
22	Âm thanh	Hệ thống ≥ 4 loa
23	Pin & sạc	Thời lượng phát video ≥ 9 giờ; hỗ trợ sạc nhanh USB-C
24	Cổng kết nối	Hỗ trợ giao thức truyền dữ liệu tốc độ cực cao qua cổng USB-C, có khả năng xuất hình ảnh ra màn hình ngoài với độ phân giải 4K tại 60Hz hoặc 8K tại 30Hz (hoặc tương đương).
25	Wi-Fi	Wi-Fi 6E hoặc cao hơn

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU
26	Bluetooth	Bluetooth 5.3 hoặc cao hơn
27	Bảo hành	≥ 12 tháng, bảo hành chính hãng tại Việt Nam

b. Bảng mô tả quy các kỹ thuật điện thoại

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU
1	Hạng mục	Điện thoại thông minh
2	Nhà sản xuất	Nhà thầu phát biểu
3	Nước sản xuất	Nhà thầu phát biểu
4	Mã hiệu	Nhà thầu phát biểu
5	Năm sản xuất	Sản xuất năm gần nhất
6	Kích thước màn hình	≥ 6.3 inch
7	Công nghệ màn hình	Công nghệ OLED/Super Retina XDR hoặc tương đương
8	Độ phân giải	Tối thiểu 2600 × 1200 pixel, ≥ 450 ppi
9	Độ sáng màn hình	≥ 1000 nit SDR; ≥ 1600 nit HDR; ≥ 3000 nit ngoài trời hoặc tương đương theo chuẩn đo lường của nhà sản xuất
10	Tần số quét	120Hz hoặc cao hơn, hỗ trợ dải làm tươi thích ứng
11	Tính năng hiển thị	Hỗ trợ HDR, dải màu rộng, điều chỉnh môi trường, màn hình luôn bật, cảm ứng phản hồi xúc giác
12	Kiểu hiển thị	Màn hình đục lỗ hoặc dạng khu vực tương tác nâng cao
13	Camera sau	Hệ thống ≥ 3 camera; cảm biến chính ≥ 48 MP; hỗ trợ OIS; zoom quang ≥ 5× hoặc tương đương; góc rộng ≥ 100°
14	Camera trước	≥ 18 MP; hỗ trợ nhận diện khuôn mặt nâng cao
15	Vi xử lý – đồ họa	Chip xử lý đa lõi hiệu năng cao (≥ 6 lõi CPU, ≥ 6 lõi GPU), Chip phải tích hợp bộ xử lý trí tuệ nhân tạo chuyên dụng (NPU/Neural Engine) với hiệu suất tính toán AI được công bố bởi nhà sản xuất hoặc tổ chức độc lập đạt ≥ 15 TOPS (Nghìn tỷ phép tính mỗi giây) hoặc tương đương về hiệu suất xử lý thực tế.
16	RAM	≥ 12 GB
17	Bộ nhớ trong	≥ 256 GB
18	Hệ điều hành	Hệ điều hành di động có kho ứng dụng chính thức; hỗ trợ cập nhật bảo mật ≥ 5 năm
19	Kích thước	Khoảng 150–165 mm (cao), 70–78 mm (rộng)
20	Trọng lượng	≤ 210 g
21	Pin & sạc	Hỗ trợ sạc nhanh có dây; sạc không dây chuẩn mới; thời lượng xem video ≥ 28 giờ

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU
22	Kháng nước, bụi	Đạt chuẩn IP68 hoặc tương đương (chịu nước ở độ sâu ≥ 6 m trong ≥ 30 phút)
23	Cảm biến	Gia tốc, con quay hồi chuyển, tiệm cận, ánh sáng, áp kế, cảm biến chiều sâu 3D (LiDAR, ToF hoặc công nghệ tương đương do nhà sản xuất công bố)
24	Tính năng đặc biệt	Nhận diện khuôn mặt 3D; AI nâng cao; hỗ trợ mạng 5G; sạc không dây
25	NFC	Có hỗ trợ NFC
26	SIM	Hỗ trợ eSIM; cấu hình SIM kép hoặc eSIM kép
27	5G	Hỗ trợ 5G sub-6GHz
28	Wi-Fi	Wi-Fi 7 hoặc cao hơn
29	GPS	Định vị đa tần, hỗ trợ nhiều hệ thống vệ tinh
30	Bluetooth	Bluetooth 5.3 hoặc cao hơn
31	USB	USB-C chuẩn USB 3 hoặc cao hơn, hỗ trợ truyền dữ liệu tốc độ cao
32	Bảo hành	≥ 12 tháng, bảo hành chính hãng tại Việt Nam

c. Bảng mô tả quy các kỹ thuật máy chiếu

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU
1	Hạng mục	Máy chiếu
2	Nhà sản xuất	Nhà thầu phát biểu
3	Nước sản xuất	Nhà thầu phát biểu
4	Mã hiệu	Nhà thầu phát biểu
5	Năm sản xuất	Nhà thầu phát biểu
6	Công nghệ	Laser thế hệ 3 hoặc cao hơn
7	Cường độ sáng	≥ 4000 ANSI Lumen
8	Độ phân giải	1280 x 800
9	Tuổi thọ đèn chiếu	≥ 20.000 giờ/ 30.000 giờ (Eco)
10	Kích thước vùng chiếu	30 - 300"
11	Độ tương phản	$\geq 3,000,000:1$
12	Màu sắc	Trắng
13	Tính năng	<ul style="list-style-type: none"> - Loa: 3W - Ống kính: F=2.4-2.53, f=21.85-24mm - Độ trễ đầu vào: 25ms - Độ ồn: 30dB - Display Color: 1.07 Billion Colors - Điện áp cung cấp: 100-240V+
14	Kết nối	<ul style="list-style-type: none"> 2 x HDMI 1 x USB Type A 1 x 3.5mm

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU
15	Khối lượng	≤ 3.5kg
16	Bảo hành	≥ 36 tháng

d. Bảng mô tả quy các kỹ thuật màn hình chiếu

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU
1	Hạng mục	Màn hình chiếu
2	Nhà sản xuất	Nhà thầu phát biểu
3	Nước sản xuất	Nhà thầu phát biểu
4	Mã hiệu	Nhà thầu phát biểu
5	Năm sản xuất	Nhà thầu phát biểu
6	Loại màn:	Màn chiếu điện
7	Kích thước màn	3.66m x 3.66m
8	Kích thước vùng chiếu (khoảng trắng):	140" x 140"
9	Đường chéo:	200"
10	Tỷ lệ	1:1
11	Remote sóng radio (rf)	xuyên tường
12	Chất liệu:	Matte White
13	Màn chiếu sơn tĩnh điện	Đáp ứng
14	Hộp màn hình trực lục lăng	Đáp ứng
15	Bộ cuộn màn hoàn hảo giúp kéo màn lên-xuống rất nhẹ và trơn	Đáp ứng
16	Kết cấu tự tua lên - xuống, và có thể khoá dừng màn.	Đáp ứng
17	Mặt sau màn được sơn đen, giảm mức độ ánh sáng đăng sau màn	Đáp ứng
18	Sản phẩm đã bao gồm Remote điều khiển từ xa	Đáp ứng
19	Bảo hành	≥ 12 tháng

1.3. Các yêu cầu khác

- Các yêu cầu khác về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về phương thức thanh toán, yêu cầu về cung cấp tài chính (nếu có), yêu cầu về dịch vụ liên quan như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ... (nếu có). Các yêu cầu này phải được nêu chi tiết để nhà thầu chuẩn bị E-HSDT.

- Đấu thầu bền vững: có thể đưa ra yêu cầu về hàng hóa thân thiện môi trường, xã hội, sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương (nếu có) như: tiết kiệm năng lượng hoặc tiết kiệm nước khi sử dụng, khí thải ít độc hại, không có chất độc hại, phá hủy môi trường; hàng hóa

sản xuất không vi phạm trách nhiệm xã hội hoặc từ nguồn nguyên liệu bền vững, hữu cơ, vật liệu tái chế; sử dụng vật liệu xanh để đóng gói hàng hóa; tiết kiệm nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, sử dụng container có thể tái sử dụng để vận chuyển hàng hóa; mức độ xả thải, rác thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tác động môi trường và cộng đồng xung quanh; cam kết thu hồi hoặc tái chế khi hàng hóa hết sử dụng...

- Tùy theo từng gói thầu có thể yêu cầu nhà thầu chào phương án thay thế ngoài phương án chính theo yêu cầu của E-HSMT, trong đó cần quy định rõ phương án thay thế của nhà thầu chỉ được xem xét trong quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng khi nhà thầu được đề xuất trúng thầu theo phương án chính hoặc quy định trong trường hợp kết quả đánh giá các E-HSDT theo phương án chính không có nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì mới xem xét phương án thay thế của các nhà thầu.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ.

Danh mục bản vẽ		
Bản vẽ số	Tên bản vẽ	Mục đích sử dụng

Trường hợp có bản vẽ thì phải đính kèm theo bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Không yêu cầu.